BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Số: 551 /QĐ-MĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ thông tư số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1129/QĐ-MĐC ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ kết quả học tập và bảo vệ luận văn thạc sĩ của học viên;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cao học và cấp bằng thạc sĩ cho 264 học viên của Trường Đại học Mỏ - Địa chất (Có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các học viên có tên trong danh sách ghi ở điều 1 được hưởng mọi quyền lợi quy định tại Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo sau đại học, Trưởng các phòng, khoa liên quan thuộc Trường Đại học Mỏ - Địa chất, các học viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải

Nơi nhận:
- Vụ GDĐH (để báo cáo);
- BGH (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: HCTH, SĐH.

DANH SÁCH HỌC VIÊN CAO HỌC TỐT NGHIỆP
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
(Kèm theo Quyết định số: 551 /QĐ-MĐC ngày 10 tháng 6 năm 2022)

TT	Họ và tên học viên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	Số bằng
1	Nguyễn Đức Anh	Nam	15/10/1983	Thái Bình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
2	Nguyễn Hồng Ân	Nam	07/10/1969	Sóc Trăng	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
3	Võ Thanh Bình	Nam	29/12'1979	Trà Vinh	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
4	Nguyễn Văn Cường	Nam	05/04/1989	Thanh Hóa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
5	Khuất Duy Cường	Nam	16/07/1974	Hà Nội	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
6	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	01/03/1979	Khánh Hòa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
7	Phạm Quang Dương	Nam	17/05/1995	Hải Phòng	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
8	Lê Văn Định	Nam	08/03/1986	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
9	Nguyễn Đức Em	Nam	08/07/1986	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
10	Huỳnh Hạnh	Nam	29/01/1978	Hậu Giang	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
11	Mai Thị Ngọc Hân	Nữ	01/01/1990	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
12	Huỳnh Trung Hiếu	Nam	01/10/1993	Khánh Hòa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
13	Lê Minh Hoàng	Nam	20/04/1995	Bình Phước	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
14	Huỳnh Quốc Hùng	Nam	17/06/1982	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
15	Nguyễn Thanh Hưng	Nam	04/12/1980	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
16	Mạc Thanh Kỳ	Nam	13/02/1993	Quảng Ngãi	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
17	Trương Đình Khải	Nam	26/04/1990	Kiên Giang	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
18	Nguyễn Tiến Khánh	Nam	08/11/1983	Hải Phòng	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
19	Nguyễn Ngọc Khoa	Nữ	05/07/1975	Hậu Giang	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
20	Phan Văn Khoái	Nam	15/08/1983	Nghệ An	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
21	Nguyễn Sỹ Lâm	Nam	19/05/1984	Nghệ An	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
22	Ngụy Thảo Linh	Nữ	26/05/1994	Yên Bái	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
23	Nguyễn Thanh Long	Nam	15/04/1992	Quảng Bình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
24	Nguyễn Minh Lợi	Nam	24/07/1995	Đồng Nai	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
25	Lê Thị Ánh Mai	Nữ	18/01/1983	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
26	Nguyễn Hữu Ninh	Nam	17/10/1982	Hà Nội	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
27	Nguyễn Minh Nhựt	Nam	19/01/1987	Tây Ninh	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
28	Võ Đắc Ổn	Nam	16/12/1975	Khánh Hòa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
29	Đỗ Thanh Phong	Nam	05/02/1979	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
30	Huỳnh Tấn Phước	Nam	19/05/1985	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
31	Nguyễn Đăng Phương	Nam	15/08/1984	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
32	Trần Duy Quang	Nam	11/08/1982	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
33	Phạm Ngọc Quân	Nam	05/06/1983	Thái Bình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
34	Nguyễn Văn Song	Nam	02/10/1985	Quảng Bình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
35	Nguyễn Minh Tâm	Nam	26/08/1979	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
36	Nguyễn Hữu Tấn	Nam	01/01/1977	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
37	Lê Văn Thanh	Nam	20/10/1970	Thanh Hóa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
38	Nguyễn Trọng Thành	Nam	28/08/1978	Thái Nguyên	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
39	Dương Tấn Thạnh	Nam	27/11/1984	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
40	Lê Đạt Thắng	Nam	02/01/1987	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
41	Nguyễn Thị Thân	Nữ	26/10/1996	Khánh Hòa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
42	Phạm Mạnh Thế	Nam	03/07/1987	Ninh Bình	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	

43	Đỗ Văn Toàn	Nam	01/01/1990	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
44	Nguyễn Tuấn Trình	Nam	31/07/1991	Phú Yên	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
45	Tạ Quốc Trung	Nam	27/11/1987	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
46	Nguyễn Hữu Trung	Nam	01/11/1978	Nghệ An	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
47	Nguyễn Hồng Trung	Nam	12/01/1982	Khánh Hòa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
48	Lưu Hữu Truyền	Nam	08/06/1993	Long An	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
49	Phan Minh Tuấn	Nam	12/06/1986	Kiên Giang	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
50	Huỳnh Văn Vũ Tuấn	Nam	09/04/1990	Long An	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
51	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	01/01/1970	Hậu Giang	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
52	Đặng Anh Tuấn	Nam	19/09/1981	Lâm Đồng	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
53	Ngô Thanh Tùng	Nam	23/05/1987	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
54	Võ Thị Tuyết	Nữ	18/05/1973	Cần Thơ	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
55	Trần Quốc Việt	Nam	01/01/1985	Đồng Tháp	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
56	Nguyễn Thanh Bình	Nam	11/01/1983	Nghệ An	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
57	Phạm Duy Bình	Nam	01/10/1979	Nam Định	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
58	Nguyễn Thiện Chơn	Nam	01/10/1984	Cà Mau	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
59	Lý Lâm Hà	Nam	01/02/1987	Khánh Hòa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
60	Huỳnh Văn Hảo	Nam	01/01/1988	Cà Mau	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
61	Nguyễn Thành Hiếu	Nam	20/01/1983	Khánh Hòa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
62	Lê Quốc Hiếu	Nam	10/03/1980	Cà Mau	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
63	Bùi Mai Khanh	Nam	06/11/1973	Cà Mau	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
64	Phạm Vũ Linh	Nam	20/10/1977	Cà Mau	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
65	Quách Bùi Nhật Minh	Nam	14/09/1987	Cà Mau	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
66	Trần Nhất Nam	Nam	16/10/1978	Cà Mau	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
67	Ông Chí Nghiêm	Nam	29/09/1993	Cà Mau	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
68	Nguyễn Huy Tùng	Nam	19/07/1995	Khánh Hòa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
69	Đỗ Đình Thiên	Nam	09/10/1973	Thanh Hóa	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
70	Nguyễn Giang Thọ	Nam	05/08/1981	Nghệ An	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
71	Nguyễn Văn Vinh	Nam	10/07/1976	Phú Yên	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ	
72	Vũ Thị Thúy	Nữ	20/8/1988	Hà Nội	Quản lý đất đai	
73	Phạm Ngọc Cảnh	Nam	02/09/1981	Vĩnh Phúc	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
74	Nguyễn Quang Công	Nam	14/03/1987	Nghệ An	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
75	Vũ Đình Chương	Nam	05/01/1990	Hải Dương	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
76	Vũ Thùy Dương	Nữ	28/06/1990	Phú Thọ	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
77	Trần Văn Hiệu	Nam	15/04/1987	Ninh Bình	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
78	Lưu Tuấn Hoàng	Nam	26/06/1990	Hải Dương	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
79	Nguyễn Thị Thùy Linh	Nữ	25/12/1995	Hà Nội	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
80	Bùi Hạnh Thảo Phương	Nữ	23/10/1996	Hà Nội	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
81	Vũ Kim Sơn	Nam	16/03/1995	Hòa Bình	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
82	An Quốc Toản	Nam	14/09/1977	Hưng Yên	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
83	Nguyễn Minh Thuân	Nam	21/11/1984	Nam Định	Bản đồ viễn thám và HTTĐL	
84	Nguyễn Mai Anh	Nữ	04/09/1996	Hà Nội	Kỹ thuật môi trường	
85	Trần Mạnh Cường	Nam	24/04/1985	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường	
86	Vũ Văn Chinh	Nam	10/01/1979	Thanh Hóa	Kỹ thuật môi trường	
87	Lương Công Việt Dũng	Nam	09/01/1982	Khánh Hòa	Kỹ thuật môi trường	
88	Lưu Hoàng Duy	Nam	07/11/1992	Khánh Hòa	Kỹ thuật môi trường	
89	Vũ Ngọc Hà	Nam	18/12/1986	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường	
90	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	14/01/1977	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường	

91	Vũ Mạnh Hùng	Nam	28/08/1983	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường	
92	Hà Thị Luyến	Nữ	06/05/1983	Bắc Giang	Kỹ thuật môi trường	
93	Bảo Nghi	Nam	14/11/1984	Khánh Hòa	Kỹ thuật môi trường	
94	Nguyễn Văn Ngọc	Nam	09/09/1984	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường	
95	Nguyễn Lan Nhi	Nữ	27/12/1995	Hà Nội	Kỹ thuật môi trường	
96	Vũ Ngọc Quân	Nam	04/06/1988	Thái Bình	Kỹ thuật môi trường	
97	Tô Vũ Sinh	Nam	26/01/1985	Bình Định	Kỹ thuật môi trường	
98	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	18/12/1984	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường	
99	Đoàn Văn Thanh	Nam	25/11/1978	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường	
100	Bùi Văn Thế	Nam	27/03/1990	Nam Định	Kỹ thuật môi trường	
101	Trần Thị Thu	Nữ	03/10/1983	Khánh Hòa	Kỹ thuật môi trường	
102	Bùi Anh Tú	Nam	19/02/1993	Khánh Hòa	Kỹ thuật môi trường	
103	Phan Đình Tuyến	Nam	19/02/1981	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường	
104	Phan Văn Tường	Nam	01/10/1975	Hà Nội	Kỹ thuật môi trường	
105	Vũ Mạnh Tưởng	Nam	18/04/1981	Hải Dương	Kỹ thuật môi trường	
106	Đỗ Anh Văn	Nam	16/03/1982	Phú Yên	Kỹ thuật môi trường	
107	Lê Tiến Anh	Nam	02/11/1983	Hải Phòng	Khai thác mỏ	
108	Nguyễn Ngọc Cường	Nam	09/06/1981	Quảng Ninh	Khai thác mỏ	
109	Lê Mạnh Cường	Nam	20/10/1982	Quảng Ninh	Khai thác mỏ	
110	Mạc Văn Tiến Dũng	Nam	04/06/1993	Hải Dương	Khai thác mỏ	
111	Quyền Đức Dũng	Nam	22/06/1986	Quảng Ninh	Khai thác mỏ	
112	Phạm Văn Duy	Nam	20/12/1988	Hải Dương	Khai thác mỏ	
113	Ngô Trung Đức	Nam	03/08/1992	Quảng Ninh	Khai thác mỏ	
114	Lê Trọng Hiếu	Nam	20/05/1986	Hải Dương	Khai thác mỏ	
115	Lê Văn Khải	Nam	04/06/1988	Hải Dương	Khai thác mỏ	
116	Trần Văn Khánh	Nam	09/11/1983	Quảng Ninh	Khai thác mỏ	
117	Nguyễn Đức Nhân	Nam	16/09/1990	Thái Bình	Khai thác mỏ	
118	Nguyễn Văn Tuân	Nam	12/10/1980	Hải Phòng	Khai thác mỏ	
119	Đặng Văn Tuyến	Nam	12/04/1982	Quảng Ninh	Khai thác mỏ	
120	Hoàng Văn Thành	Nam	03/09/1982	Hải Dương	Khai thác mỏ	
121	Ngô Ngọc Thế	Nam	02/10/1984	Quảng Ninh	Khai thác mỏ	
122	Vũ Đức Trọng	Nam	08/04/1984	Quảng Ninh	Khai thác mỏ	
123	Lê Văn Trường	Nam	17/07/1989	Hải Dương	Khai thác mỏ	
124	Lê Văn Văn	Nam	13/'04/1985	Hải Dương	Khai thác mỏ	
125	Bùi Quý Đông	Nam	10/09/1995	Hưng Yên	Khai thác mỏ	
126	Nguyễn Văn Miền	Nam	15/05/1986	Hải Dương	Khai thác mỏ	
127	Nguyễn Văn Tỉnh	Nam	23/02/1988	Bắc Giang	Khai thác mỏ	
128	Lê Anh	Nam	21/09/1982	Thái Bình	Khai thác mỏ	
129	Trần Tuấn Anh	Nam	10/01/1986	Quảng Ninh	Khai thác mỏ	
130	Đinh Kiên Cường	Nam	21/04/1986	Quảng Ninh	Khai thác mỏ	
131	Vũ Đăng Chuyền	Nam	27/03/1982	Thái Bình	Khai thác mỏ	
132	Nguyễn Hồng	Nam	07/06/1984	Quảng Ninh	Khai thác mỏ	
133	Nguyễn Dương Huy	Nam	19/10/1984	Hải Dương	Khai thác mỏ	
134	Ngô Văn Khương	Nam	15/09/1984	Nam Định	Khai thác mỏ	
135	Vũ Văn Linh	Nam	02/04/1996	Quảng Ninh	Khai thác mỏ	
136	Đỗ Văn Linh	Nam	13/07/1990	Thái Bình	Khai thác mỏ	
137	Bùi Văn Minh	Nam	28/08/1989	Quảng Ninh	Khai thác mỏ	
138	Nguyễn Văn Quang	Nam	17/10/1989	Thái Bình	Khai thác mỏ	

139	Trần Duy Sáng	Nam	11/10/1985	Hà Nội	Khai thác mỏ	
140	Phạm Văn Thắng	Nam	10/07/1988	Bắc Giang	Khai thác mỏ	
141	Nguyễn Văn Thể	Nam	20/04/1983	Hải Dương	Khai thác mỏ	
142	Trần Văn Thức	Nam	03/01/1980	Thái Bình	Khai thác mỏ	
143	Trần Mạnh Tiến	Nam	21/05/1988	Hà Nam	Khai thác mỏ	
144	Nguyễn Trung Tín	Nam	05/09/1995	Thái Bình	Khai thác mỏ	
145	Đỗ Văn Tỉnh	Nam	09/06/1981	Nam Định	Khai thác mỏ	
146	Trương Văn Tuấn	Nam	10/01/1983	Hà Nam	Khai thác mỏ	
147	Nguyễn Văn Hưng	Nam	06/11/1994	Phú Thọ	KT xây dựng công trình ngầm	
148	Trịnh Hữu Tùng	Nam	10/12/1991	Thanh Hóa	KT xây dựng công trình ngầm	
149	Nguyễn Thế Mộc Chân	Nam	22/06/1995	Quảng Nam	KT xây dựng công trình ngầm	
150	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	10/10/1972	Nghệ An	KT xây dựng công trình ngầm	
151	Chảo Láo San	Nam	28/10/1995	Lào Cai	KT xây dựng công trình ngầm	
152	Huỳnh Khánh Thành	Nam	2608/1982	Quảng Bình	KT xây dựng công trình ngầm	
153	Nguyễn Văn Thành	Nam	28/6/1994	Hà Nội	KT xây dựng công trình ngầm	
154	Vũ Duy Vạn	Nam	28/02/1995	Hải Dương	KT xây dựng công trình ngầm	
155	Nguyễn Văn Tới	Nam	25/11/1995	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện	
156	Đặng Minh Tuấn	Nam	13/01/1995	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện	
157	Nguyễn Văn Trọng	Nam	20/08/1979	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện	
158	Lê Việt Cường	Nam	13/04/1987	Hà Nội	Kỹ thuật điện	
159	Vũ Đình Hiệp	Nam	28/10/1986	Quảng Ninh	Kỹ thuật điện	
160	Nguyễn Tiến Huân	Nam	20/11/1996	Hà Nội	Kỹ thuật điện	
161	Bùi Mạnh Linh	Nam	09/12/1984	Bắc Ninh	Kỹ thuật điện	
162	Nguyễn Duy Minh	Nam	27/12/1991	Thanh Hóa	Kỹ thuật điện	
163	Lê Tuấn	Nam	30/07/1982	TT Huế	Kỹ thuật điện	
164	Nguyễn Văn Minh	Nam	09/04/1980	Hà Nội	Kỹ thuật cơ khí	
165	Lê Thanh Tâm	Nữ	02/04/1980	Hà Nội	Kỹ thuật cơ khí	
166	Nguyễn Văn Toại	Nam	20/08/1993	Bắc Giang	Kỹ thuật cơ khí	
167	Nguyễn Thị Hoa	Nữ	08/02/1997	Hải Phòng	Kỹ thuật hóa học	
168	Lê Hữu Thành	Nam	20/07/1996	Thanh Hóa	Kỹ thuật hóa học	
169	Phạm Tuấn Anh	Nam	28/08/1989	Hưng Yên	Kỹ thuật dầu khí	
170	Phan Huy Bình	Nam	07/04/1994	Nghệ An	Kỹ thuật dầu khí	
171	Phạm Tiến Chuẩn	Nam	30/04/1972	Thái Bình	Kỹ thuật dầu khí	
172	Phạm Khánh Duy	Nam	23/10/1987	Hưng Yên	Kỹ thuật dầu khí	
173	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	18/02/1994	Nghệ An	Kỹ thuật dầu khí	
174	Nguyễn Đình Huy	Nam	14/06/1997	Bình Thuận	Kỹ thuật dầu khí	
175	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	03/07/1992	Hưng Yên	Kỹ thuật dầu khí	
176	Nguyễn Hoàng Sơn	Nam	02/01/1997	Quảng Ninh	Kỹ thuật dầu khí	
177	Phạm Văn Trung	Nam	05/09/1992	Hưng Yên	Kỹ thuật dầu khí	
178	Phạm Quốc Duy	Nam	24/11/1983	Hà Nam	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)	
179	Bùi Thanh Hải	Nam	23/11/1993	Hà Nam	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)	
180	Nguyễn Vũ Hải	Nam	20/12/1978	Nam Định	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)	
181	Nguyễn Văn Phương	Nam	23/02/1984	Hải Dương	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)	
182	Nguyễn Văn Thành	Nam	09/04/1986	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)	
183	Nguyễn Ngọc Thơm	Nam	01/01/1976	Hà Nội	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)	
184	Bùi Minh Tuân	Nam	31/10/1982	Hà Nam	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)	
185	Bùi Tất Tuấn	Nam	06/07/1990	Nam Định	Kỹ thuật địa chất (ĐCKS&TD)	
186	Trương Công Hưng	Nam	26/04/1983	Hà Nội	Kỹ thuật địa chất (ĐCTV)	

187	Bùi Huyền Linh	Nữ	18/11/1996	Hải Dương	Kỹ thuật địa chất (ĐCTV)	
188	Bùi Minh Tuấn	Nam	03/06/1997	Hà Nội	Kỹ thuật địa chất (ĐCTV)	
189	Lê Văn Quyền	Nam	23/09/1989	Đồng Nai	Kỹ thuật địa chất (ĐCCT)	
190	Nguyễn Tấn Sơn	Nam	06/11/1978	Ninh Thuận	Kỹ thuật địa chất (ĐCCT)	
191	Đỗ Như Tùng	Nam	19/09/1995	Hà Nội	Kỹ thuật địa chất (ĐCCT)	
192	Đỗ Danh Triệu	Nam	12/09/1997	Hưng Yên	Kỹ thuật địa chất (ĐCCT)	
193	Trần Thị Nhân	Nữ	08/03/1997	Bắc Giang	Khoáng vật học & địa hóa học	
194	Hoàng Mai Anh	Nam	10/10/1992	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
195	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	Nữ	19/11/1995	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
196	Lê Thị Vân Anh	Nữ	01/01/1983	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
197	Lại Gia Bảo	Nam	29/09/1981	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
198	Tống Thị Hoa Bắc	Nữ	26/04/1974	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
199	Lại Hồng Cương	Nam	26/02/1980	Thái Bình	Quản lý kinh tế	
200	Ngô Khắc Cường	Nam	05/02/1986	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
201	Vũ Mạnh Dũng	Nam	25/12/1972	Hải Phòng	Quản lý kinh tế	
202	Nguyễn Đăng Dương	Nam	24/01/1994	Thái Bình	Quản lý kinh tế	
203	Trương Thùy Dương	Nữ	27/07/1987	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
204	Lưu Trung Đức	Nam	24/12/1991	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
205	Đỗ Thị Hải	Nữ	15/02/1978	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
206	Mai Thu Hằng	Nữ	08/07/1981	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
207	Vũ Hồng Hậu	Nam	10/10/1985	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
208	Đặng Văn Hiệp	Nam	30/04/1982	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
209	Hoàng Trung Hiếu	Nam	14/8/1989	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
210	Đào Mai Hoa	Nữ	08/09/1989	Hải Phòng	Quản lý kinh tế	
211	Nguyễn Biên Hòa	Nam	10/03/1984	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
212	Phạm Minh Hoàn	Nam	26/04/1976	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
213	Trần Văn Hoàn	Nam	28/09/1992	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
214	Nông Văn Hội	Nam	08/03/1971	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
215	Nguyễn Tiến Hùng	Nam	13/07/1985	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
216	Châu Quốc Huy	Nam	11/11/1993	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
217	Phạm Thị Huyền	Nữ	12/03/1994	Hải Phòng	Quản lý kinh tế	
218	Trịnh Ngọc Khánh	Nam	07/07/1994	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
219	Trần Xuân Lãm	Nam	12/07/1982	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
220	Trương Thị Lành	Nữ	20/10/1983	Nam Định	Quản lý kinh tế	
221	Nguyễn Hoàng Linh	Nữ	07/11/1987	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
222	Vũ Hải Linh	Nữ	20/02/1996	Nam Định	Quản lý kinh tế	
223	Đinh Thị Bảo Linh	Nữ	24/04/1996	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
224	Lưu Khánh Linh	Nữ	18/08/1993	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
225	Triệu Thị Loan	Nữ	01/07/1985	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
226	Lã Thành Luân	Nam	18/03/1989	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
227	Nguyễn Tuyết Mai	Nữ	02/03/1988	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
228	Lại Văn Mạnh	Nam	09/12/1984	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
229	Đoàn Văn Minh	Nam	30/04/1987	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
230	Lại Quang Nghĩa	Nam	09/04/1981	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
231	Nguyễn Quốc Phong	Nam	27/11/1994	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
232	Châu Quang Phúc	Nam	16/06/1980	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
233	Phạm Thanh Phương	Nam	06/07/1974	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
234	Lê Văn Quy	Nam	06/07/1977	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	

235	Nguyễn Mai Quỳnh	Nữ	02/07/1997	Thái Bình	Quản lý kinh tế	
236	Vũ Thu Quỳnh	Nữ	25/08/1993	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
237	Vũ Văn Tặng	Nam	04/04/1977	Nam Định	Quản lý kinh tế	
238	Bùi Duy Tân	Nam	04/09/1981	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
239	Hoàng Hải Thanh	Nam	06/04/1972	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
240	Ngô Trung Thành	Nam	17/07/1979	Nam Định	Quản lý kinh tế	
241	Nguyễn Văn Thành	Nam	22/12/1990	Nghệ An	Quản lý kinh tế	
242	Phạm Văn Thắng	Nam	07/02/1995	Hà Nội	Quản lý kinh tế	
243	Hoàng Thị Minh Thu	Nữ	07/09/1977	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
244	Hoàng Anh Thùy	Nam	17/10/1975	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	
245	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Nữ	06/02/1979	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
246	Nguyễn Lê Trung	Nam	23/10/1996	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
247	Nguyễn Đình Trung	Nam	15/03/1981	Thái Bình	Quản lý kinh tế	
248	Vũ Văn Trường	Nam	05/11/1980	Hà Nam	Quản lý kinh tế	
249	Đỗ Thị Cẩm Vân	Nữ	06/10/1993	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
250	Nguyễn Tuấn Vũ	Nam	03/05/1997	Hà Nội	Quản lý kinh tế	
251	Phạm Ngọc Cường	Nam	10/12/1985	Thái Bình	Quản lý kinh tế	
252	Ngô Minh Đức	Nam	12/09/1986	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
253	Trần Duy Lê	Nam	25/04/1973	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
254	Phạm Thanh Tâm	Nữ	22/12/1993	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
255	Nguyễn Thế Tùng	Nam	05/06/1981	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
256	Nguyễn Đức Thùy	Nam	14/01/1979	Hưng Yên	Quản lý kinh tế	
257	Nguyễn Thị Ngọc Trang	Nữ	10/12/1983	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
258	Nguyễn Trọng Khanh	Nam	12/3/1983	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
259	Lê Văn Lương	Nam	1/2/1985	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
260	Đồng Sỹ Nguyên	Nam	8/9/1991	Thái Bình	Quản lý kinh tế	
261	Nguyễn Bảo Trung	Nam	5/10/1990	Thanh Hóa	Quản lý kinh tế	
262	Bùi Lê Thành Nam	Nam	01/07/1985	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
263	Ngô Hoàng Ân	Nam	14/08/1996	Quảng Ninh	Quản lý kinh tế	
264	Phạm Hùng Toàn	Nam	03/05/1974	Lạng Sơn	Quản lý kinh tế	

(Danh sách gồm 264 học viên)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

GS.TS Trần Thanh Hải